

Bản án số: 11/2024/HC-ST

Ngày 26 - 12 - 2024

V/v “*Khiếu kiện Quyết định hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp thu hồi đất*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Trưởng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lại Quang Tuyên và ông Lê Phú Mẫn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Nhật Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 26 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2024/TLST-HC ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp thu hồi đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HC ngày 09 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1958; địa chỉ: Số D, đường L, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị V là: Ông Hoàng Văn T, ông Chu Quỳnh V1 và bà Lê Thị Bích H - Luật sư Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư Thành Phố H. Địa chỉ: Số I, N, phường T, quận C, Thành Phố Hà Nội; xin xét xử vắng mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam; địa chỉ: Đường B, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đỗ Hoàng H1; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam. *Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Hoàng Cao L; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam; xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1960; địa chỉ: Số D, đường L, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; xin xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 5 năm 2024, bản tự khai của người khởi kiện, ý kiến của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Vợ chồng bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Hữu C là chủ sử dụng hợp pháp diện tích đất 100m<sup>2</sup> thuộc thửa 18, tờ bản đồ số PL19 tại thôn T, xã L, huyện T (nay là thành phố P), tỉnh Hà Nam; do UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AG168170 ngày 16/7/2008. Ngày 06/11/2023, UBND thành phố P ra Quyết định số 3953/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị V để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị M

Bà V cho rằng diện tích đất của gia đình bà không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án khu đô thị mới của Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Đ (nay là Công ty Cổ phần T1) vì từ giai đoạn đầu của dự án, UBND tỉnh H đã ban hành Quyết định 1771/QĐ-UBND ngày 25/12/2009 về phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu đô thị C có tính chất “Là khu đô thị xây dựng mới, hiện đại với mật độ xây dựng thấp (có cải tạo và chỉnh trang khu vực dân cư cũ)...”. Như vậy dự án xây dựng khu đô thị C là khu đô thị mới với hiện trạng đang tồn tại khu đất giãn dân, khu dân cư hiện hữu nên diện tích đất (thuộc thửa 18, tờ bản đồ số PL19) của gia đình bà không thuộc diện thu hồi để thực hiện dự án xây dựng mới.

Người khởi kiện (bà V) yêu cầu giải quyết: Hủy Quyết định số 3953/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của UBND thành phố P về việc thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị M Và buộc UBND thành phố P giữ nguyên hiện trạng, không thực hiện việc thu hồi diện tích đất ở 100m<sup>2</sup> của gia đình bà V.

*Quan điểm của người bị kiện như sau:* Ngày 25/12/2009, UBND tỉnh H ban hành Quyết định 1771/QĐ-UBND phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu đô thị C. Phạm vi quy hoạch gồm 02 khu nằm ở phía Bắc và phía Nam sông C1; diện tích khoảng 214,47ha; khu phía Nam thuộc địa giới hành chính xã L và L. Ngày 29/6/2012, UBND tỉnh H ban hành Quyết định 876a/QĐ-UBND cho phép đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị M với tổng diện tích thực hiện dự án 126,2 ha. Ngày 13/02/2017, UBND tỉnh ban hành Quyết định 172/QĐ-UBND Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu phía Nam thuộc Khu đô thị M để điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất

phù hợp với quy hoạch chung của thành phố P. Trên cơ sở các quy định của pháp luật, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 3953/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của UBND thành phố P về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị V để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị M; địa bàn xã L, thành phố P là đúng quy định của pháp luật.

*Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu C cho rằng:* Thửa 18, tờ bản đồ số PL19 tại thôn T, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án khu đô thị mới của Công ty Cổ phần T1 nên nhất trí với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại nhưng người khởi kiện có Đơn đề nghị Tòa án không tiến hành mở phiên họp và đối thoại, đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị giải quyết vắng mặt và không có mặt tại phiên họp nên Tòa án không tiến hành phiên họp và đối thoại được.

Tại bản luận cứ, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện có ý kiến như sau: Thửa đất của gia đình bà V không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị M khu đô thị mới của Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Đ vì từ giai đoạn đầu của dự án, UBND tỉnh H đã ban hành Quyết định 1771/QĐ-UBND ngày 25/12/2009 về phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu đô thị C có tính chất “Là khu đô thị xây dựng mới, hiện đại với mật độ xây dựng thấp (có cải tạo và chỉnh trang khu vực dân cư cũ)...”. Như vậy dự án xây dựng khu đô thị C là khu đô thị mới với hiện trạng đang tồn tại khu đất già dân, khu dân cư hiện hữu nên diện tích đất (thuộc thửa 18, tờ bản đồ số PL19) của gia đình bà không thuộc diện thu hồi để thực hiện dự án xây dựng mới. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy Quyết định số 3953/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của UBND thành phố P về việc thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị M Và buộc UBND thành phố P giữ nguyên hiện trạng, không thực hiện việc thu hồi diện tích đất ở 100m<sup>2</sup> của gia đình bà V.

Tại phiên toà:

Quan điểm của Kiểm sát viên: Về tố tụng, quá trình thụ lý, giải quyết xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng hành chính. Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 49, Điều 62, 63, 66, 67, 68, 69 Luật đất đai năm 2013, Điều 17 Nghị định 43/2014/NĐ-CP. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V. Án phí Hành chính sơ thẩm: Bà V phải chịu theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt do có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 157, Điều 168 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam theo quy định tại Điều 30 và khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

Về thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính: Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V còn thời hiệu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 3953/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của UBND thành phố P về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị V, thấy:

Về nguồn gốc thửa đất số 18, tờ bản đồ số PL19, diện tích đất 100m<sup>2</sup> tại thôn T, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam mang tên hộ bà Nguyễn Thị V đã được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số AG168170 ngày 16/7/2008 (sau đó xã L sáp nhập địa giới hành chính về thành phố P), là quyền sử dụng đất hợp pháp của vợ chồng bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Hữu C.

*Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành, nội dung Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ:*

Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị M được UBND tỉnh phê duyệt theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật đất đai năm 2013. Căn cứ Quyết định 637/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2012 của UBND tỉnh H Phê duyệt điều chỉnh Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị M; Quyết định 876a/QĐ-UBND ngày 29/6/2012 về việc cho phép đầu tư dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị M; Quyết định 38/2014/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của UBND tỉnh H về việc ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Quyết định 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của UBND tỉnh H ban hành Quy định trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Quyết định 172/QĐ-UBND ngày 13/02/2017 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu phía Nam khu đô thị M; Quyết định 1043/QĐ-UBND ngày 11/9/2023 của UBND tỉnh H về việc cập nhật công trình,

dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, thành phố P; Quyết định 3966/QĐ-UBND của UBND thành phố P về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị M, địa bàn xã L, thành phố P là đúng quy định của pháp luật. Quyết định 3953/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của UBND thành phố P về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị V để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị M; địa bàn xã L, thành phố P của UBND thành phố P được ban hành đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 49, 66, 67, 68 và 69 Luật đất đai 2013.

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị V cho rằng thửa đất số 18, tờ bản đồ số PL19, diện tích đất 100m<sup>2</sup> không nằm trong dự án Khu đô thị M nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V, ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu C và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện hủy Quyết định 3953/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của UBND thành phố P về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị V không được chấp nhận.

Yêu cầu của người khởi kiện buộc UBND thành phố P giữ nguyên hiện trạng, không thực hiện việc thu hồi đất ở của gia đình bà V là vượt quá thẩm quyền của Tòa án theo Điều 193 Luật tố tụng hành chính. Những vấn đề ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị V là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên được Hội đồng xét xử miễn nộp tiền án phí hành chính sơ thẩm đối với bà Nguyễn Thị V.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158, 168; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính. Các Điều 62; 66; 67; 68; 69; 74; 75 của Luật đất đai 2013. Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi; Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14/11/2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V yêu cầu hủy Quyết định số 3953/QĐ-UBND 06/11/2023 của UBND thành phố P về việc thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị M; địa bàn xã L, thành phố P của bà Nguyễn Thị V.

Bác các yêu cầu khác của đương sự.

2. Về án phí: Miễn nộp tiền án phí hành chính sơ thẩm đối với bà Nguyễn Thị V.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết./

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu HS; Tòa HC;
- Bộ phận HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Quốc Trường**